**Mẫu số 06: Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp**

|  |  |
| --- | --- |
| ………………………… .............(1) .............. -------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:……/BTH-….. | *.....(2)........., ngày……tháng...... năm ...* |

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp**

Kính gửi(3): ........................................................

Tên doanh nghiệp(1): …………..………...………....……………………………………

Mã số doanh nghiệp: …………………………..………...……..……………………….

Địa chỉ(4):…..……………………….…………….………………………………………..

Điện thoại liên hệ: ……...…………….…………………………………………..……...

Địa chỉ Email:…………………………………………………………………………......

Căn cứ quy định tại Thông tư số…/2021/TT-BNNPTNT ngày ....../....../2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

Doanh nghiệp tổng hợp tài liệu chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Biểu 1. Tổng hợp hồ sơ gỗ khai thác đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ trực tiếp khai thác gỗ làm nguyên liệu chế biến hoặc doanh nghiệp sử dụng gỗ nguyên liệu do doanh nghiệp tự trồng trên đất của doanh nghiệp:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bảng kê gỗ(5)** | | | **Tên gỗ** | | **Khối lượng theo loại gỗ (m3)** | **Thống kê hồ sơ gỗ khai thác(6)** |  |
| **Tên phổ thông** | **Tên khoa học** |  |
| **Số bảng kê** | **Ngày lập** | **Đơn vị lập** |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | |  |  |  |  |  |

Biểu 2. Tổng hợp hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ sau tịch thu làm nguyên liệu chế biến:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bảng kê gỗ(5)** | | | **Tên gỗ** | | **Khối lượng theo loại gỗ (m3)** | **Thống kê hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu(6)** |  |
| **Tên phổ thông** | **Tên khoa học** |  |
| **Số bảng kê** | **Ngày lập** | **Đơn vị lập** |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | |  |  |  |  |  |

Biểu 3. Tổng hợp hồ sơ hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với doanh nghiệp sử dụng gỗ nhập khẩu làm nguyên liệu chế biến:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bảng kê gỗ(5)** | | | **Tên gỗ** | | **Khối lượng theo loại gỗ (m3)** | **Thống kê hồ sơ gỗ nhập khẩu(6)** |  |
| **Tên phổ thông** | **Tên khoa học** |  |
| **Số bảng kê** | **Ngày lập** | **Đơn vị lập** |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | |  |  |  |  |  |

Biểu 4. Tổng hợp hồ sơ hồ sơ gỗ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bảng kê gỗ(5)** | | | **Tên gỗ** | | **Khối lượng theo loại gỗ (m3)** | **Thống kê hồ sơ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến(6)** |  |
| **Tên phổ thông** | **Tên khoa học** |  |
| **Số bảng kê** | **Ngày lập** | **Đơn vị lập** |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | |  |  |  |  |  |

Doanh nghiệp (1) .......................... cam kết hồ sơ, tài liệu kê khai là đúng theo hồ sơ lưu giữ tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:….. | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP(7)** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:****Doanh nghiệp tổng hợp hồ sơ đối với những hoạt động có thực hiện trong sản xuất, kinh doanh từ biểu 1 đến biểu 4. Những hoạt động không thực hiện thì gạch chéo trong biểu.*

*(1) Tên doanh nghiệp.*

*(2) Địa danh nơi có trụ sở của doanh nghiệp.*

*(3) Tên Cơ quan tiếp nhận.*

*(4) Ghi rõ địa chỉ theo giấy đăng ký kinh doanh.*

*(5) Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số*[*102/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-102-2020-nd-cp-quy-dinh-he-thong-bao-dam-go-hop-phap-viet-nam-451590.aspx)*hoặc bảng kê gỗ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Ghi số, ngày bảng kê, tên đơn vị lập bảng kê.*

*(6) Kê tên loại, ngày tháng ban hành của hồ sơ liên quan đến nguồn gốc gỗ theo quy định tại Nghị định số*[*102/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-102-2020-nd-cp-quy-dinh-he-thong-bao-dam-go-hop-phap-viet-nam-451590.aspx)*hoặc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.*

*(7) Người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.*